

Số: 95/2018/QĐST-HNGĐ

Năm Căn, ngày 24 tháng 08 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 184/2018/TLST/HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1992.

*Bị đơn:* Ông Trương Công Đ, sinh năm 1987.

Cùng nơi cư trú: Ấp X, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 08 năm 2018.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị M và ông Trương Công Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị M và ông Trương Công Đ thuận tình ly hôn với nhau.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Trương Hồng N, sinh ngày 03 tháng 03 năm 2011 (nữ) và Trương Công M, sinh ngày 18/7/2012 (nam). Các

người con đang sống chung với ông Đ. Khi ly hôn bà M, ông Đ tự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng cho con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và công nợ: Bà M, ông Đ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch các đương sự chịu 50% (bà M, ông Đ mỗi người nộp 75.000 đồng), bà M đồng ý chịu toàn bộ án phí bằng 150.000 đồng. Ngày 30 tháng 7 năm 2018, bà M đã nộp tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016038 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, sau khi đối trừ bà M được nhận lại 150.000 đồng.

- Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

*(Đã ký)*

**Phan Diệu Hiền**